

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
NEWTOL**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU NEWTOL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEWTOL IMPORT-PORT AND TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NEWTOL IETL.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107981612

3. Ngày thành lập: 30/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 7, ngõ Giếng, phố Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
2.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
5.	Khai thác và thu gom than non	0520
6.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
7.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
8.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
9.	Đúc sắt, thép	2431
10.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
11.	Khai thác dầu thô	0610
12.	Tái chế phế liệu	3830
13.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
14.	Bán buôn đồ uống	4633
15.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom rác thải y tế;	3812
16.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;	5610
17.	Quảng cáo	7310

18.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô;	7710
19.	Đại lý du lịch	7911
20.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
21.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đầu giá)	4512
22.	Bán buôn gạo	4631
23.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
24.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
25.	Đúc kim loại màu	2432
26.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
27.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
28.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
29.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
30.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
31.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
32.	Bán buôn thực phẩm	4632
33.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
35.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
36.	Hoạt động chiếu phim	5914
37.	Đào tạo cao đẳng	8541
38.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
40.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
41.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4541
42.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129

43.	Giáo dục mầm non	8510
44.	Khai thác quặng sắt	0710
45.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
46.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
47.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
48.	Phá dỡ	4311
49.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
50.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
51.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
52.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
53.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
54.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
55.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
56.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
57.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
58.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
59.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
61.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
62.	Sản xuất xe có động cơ	2910
63.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
64.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
65.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
66.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
67.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
68.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
69.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
70.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
71.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
72.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
73.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn;	5510
74.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
75.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

76.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
77.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
78.	Sản xuất bì, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
79.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
80.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
81.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
82.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
83.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
84.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
85.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
86.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
87.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
88.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh: giữa nội thành với các huyện ngoại thành trong cùng thành phố hoặc giữa các huyện của một tỉnh; - Vận tải hành khách bằng xe khách liên tỉnh; - Cho thuê xe chở khách có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.	4932
89.	Đào tạo đại học và sau đại học (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8542
90.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
91.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
92.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
93.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
94.	Xây dựng nhà các loại	4100
95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299(Chính)
96.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
97.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649

98.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
99.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4513
100.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯƠNG PHƯƠNG ANH	Số nhà 7, ngõ Giếng, phố Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	18,000	B9006417	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	18,000		
2	NGUYỄN QUANG HÀ	Xóm 10, Xã Nhật Tân, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	2,000	168189207	
			Tổng số	20.000	200.000.000	2,000		
3	LÊ VĂN THỊNH	Số 36, ngách 64, tổ 26, phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	80,000	035088000005	
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	80,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LƯƠNG PHƯƠNG ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 17/09/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B9006417

Ngày cấp: 10/04/2014

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 7, ngõ Giếng, phố Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 7, ngõ Giếng, phố Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội